TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **03**/2025/HNGĐ-ST Ngày: 07-01-2025 V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lam và bà Nguyễn Thị Thắm.

Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ C, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ C, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T *có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh* T1 *vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-10-2024, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T *trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18-9-2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 lo ăn chơi, không chăm lo cho gia đình dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, chị T và anh T1 đã không còn sống chung với nhau từ ngày 05-12-2023. Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh T1 nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T1.

Về con: Theo chị T, chị và anh T1 có 02 người con chung Trần Ngọc Anh H, sinh ngày 05-01-2019 và Trần Ngọc Anh T2, sinh ngày 20-4-2023. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo chị T, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị T, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên chị T đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn anh Trần Văn T1 *mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.*

Để giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú đối với bị đơn anh T1, xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, kết quả xác minh như sau: Anh T1 có đăng ký thường trú tại tổ C, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai, anh T1 vẫn sinh sống tại địa phương, về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm rõ, hiện nay chị T và anh T1 không còn sống chung với nhau.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ

quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị Lê Thị Thùy T được ly hôn với anh Trần Văn T1. Về con: Đề nghị giao con chung Trần Ngọc Anh H, sinh ngày 05-01-2019 và Trần Ngọc Anh T2, sinh ngày 20-4-2023 cho chị T nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Trần Văn T1, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Văn T1 có nơi cư trú tại: khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh T1, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã B, huyện T, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18-9-2017. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với lý do anh T1 lo ăn chơi, không chăm lo cho gia đình dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Trên cơ sở lời khai của đương sự, phù hợp với kết quả xác minh, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng chị T và anh T1 đã không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1 là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với bị đơn anh T1, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, từ bỏ quyền của đương sự; điều này cũng thể hiện, anh T1 không mong muốn được hòa giải đoàn tụ gia đình với chị T.

[6] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 người con chung Trần Ngọc Anh H, sinh ngày 05-01-2019 và Trần Ngọc Anh T2, sinh ngày 20-4-2023. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, con chung sống cùng chị T, do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để không xáo trộn đời sống của con trẻ cần tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 19, 51, 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy T, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Trần Văn T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy T được ly hôn với anh Trần Văn T1.

2. Về con: Giao con chung Trần Ngọc Anh H, sinh ngày 05-01-2019 và Trần Ngọc Anh T2, sinh ngày 20-4-2023 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Trần Văn T1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0008236 ngày 21-10-2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THA huyện Thống Nhất;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Bàu Hàm 2 (GCNKH số 124/2017, ngày 18-9-2017) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Phường